TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 190/2025/DS-ST
Ngày: 30 -9 -2025
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh
2. Bà Nguyễn Thị Nữ

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Trúc – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 451/2025/TLST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 223/2025/QĐXXST-DS ngày 15/9/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Bùi Thanh V, sinh năm 1973, CCCD số: 074073003904; Địa chỉ thường trú: số A đường Đ, khu phố E, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh).

1.2. Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1994; CCCD số: 074094004054, Địa chỉ thường trú: số A đường Đ, khu phố E, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Anh T, sinh năm 1994; CCCD số: 074194000135, đia chỉ; tổ C, khu phố G, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Là người đại diện theo ủy quyền, (Văn bản ủy quyền ngày 02/4/2025) có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đình M, sinh năm 2004; CCCD số: 062192007415, Địa chỉ thường trú: Hẻm F khu phố I, tổ H đường N, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Trần Thị Anh T trình bày*: Ông Bùi Thanh V và ông Nguyễn Thanh L có mối quan hệ quen biết với ông Nguyễn Đình M. Khoảng tháng 8/2022 do cần tiền nên ông M có ngỏ ý vay mượn tiền của ông V và ông L. Cụ thể như sau:

Ngày 01/9/2022, ông M mượn của ông L số tiền 100.000.000đồng có lập giấy vay mượn tiền, ký tên, lăn tay đầy đủ. Giữa ông L và và ông M thỏa thuận vay 03 tháng tính từ ngày 01/9/2022 đến ngày 01/12/2022, không thỏa thuận lãi suất.

Ngày 15/9/2022, ông M mượn ông V số tiền 165.000.000đồng. Ông M hứa mượn 01 tháng sẽ trả và không thỏa thuận lãi suất. Do chỗ quen biết nên ông V tin tưởng và đồng ý mà không lập giấy mượn tiền. Tổng cộng số tiền mà ông M đã mượn ông L và ông V là 265.000.000đồng.

Quá thời hạn trả tiền, ông L và ông V nhiều lần liên hệ yêu cầu ông M trả tiền đã mượn nhưng ông M hứa và hẹn lần hẹn lượt, tìm cách để né tránh đến nay không trả. Nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm nên ông L và ông V làm đơn này khởi kiện ông M yêu câu Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết bao gồm:

+Buộc ông Nguyễn Đình M trả lại cho ông Nguyễn Thanh L số tiền 100.000.000đồng theo giấy mượn tiền ngày 01/9/2022. Không yêu cầu tính lãi.

+Buộc ông Nguyễn Đình M trả lại cho ông Bùi Thanh V số tiền 165.000.000đồng theo giấy mượn tiền ngày 15/9/2022.

Ngày 05/9/2025, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Trần Thị Anh T làm đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể rút yêu cầu buộc ông Nguyễn Đình M trả lại cho ông Bùi Thanh V số tiền 165.000.000đồng.

* *Bị đơn ông Nguyễn Đình M:* Ông M đã được Tòa án đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Nguyễn Đình M không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Đối với bị đơn đã được Tòa án đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực

hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh L đối với bị đơn ông Nguyễn Đình M về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Thanh V đối với bị đơn ông Nguyễn Đình M về số tiền 165.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Đình M đã được Tòa án Thông báo hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông Nguyễn Đình M đều vắng mặt không có lý do. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xét xử vắng mặt của đương sự theo quy định tại các Điều 227 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ngày 05/9/2025, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Trần Thị Anh T làm đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể rút yêu cầu buộc ông Nguyễn Đình M trả lại cho ông Bùi Thanh V số tiền 165.000.000đồng. Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn ông V đối với bị đơn ông M.

[3] Về hợp đồng vay ngày 01/9/2022: Theo Giấy mượn tiền ngày 01/9/2022 thể hiện nội dung ông Nguyễn Thanh L có cho ông Nguyễn Đình M mượn số tiền 100.000.000đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn mượn tiền là 03 tháng kể từ ngày 01/9/2022 đến ngày 01/12/2022. Bên dưới giấy mượn tiền có chữ ký, chữ viết dấu lăn tay ngón trỏ trái và dấu lăn tay ngón trỏ phải của ông Nguyễn Đình M. Việc thỏa thuận mượn tiền của các bên được thể hiện tại Giấy mượn tiền ngày 01/9/2022 là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật. Đến thời hạn trả tiền ông L nhiều lần liên hệ yêu cầu ông M trả tiền đã mượn nhưng ông M hứa và hẹn lần hẹn lượt, tìm cách để né tránh đến nay không trả nên việc ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông M trả lại cho ông L số tiền 100.000.000đồng theo giấy mượn tiền ngày 01/9/2022 là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

[4] Về lãi suất: Ông Nguyễn Thanh L không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Xét thấy, bị đơn trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án đã được Tòa án đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, các thông báo về phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển giao tài liệu, chứng cứ nguyên đơn khởi kiện, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai tại Tòa án, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Nguyễn Đình M nhưng ông M không đến Tòa án cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy thể hiện bị đơn ông Nguyễn Đình M

vắng mặt không có lý do chính đáng là đã tự từ bỏ quyền tố tụng và nghĩa vụ chứng minh của mình và phải chịu hậu quả pháp lý từ việc này. Do đó hội đồng xét xử chỉ xem xét các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập.

[6] Từ những tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập có đủ căn cứ chấp nhận toàn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh L buộc bị đơn ông Nguyễn Đình M có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Thanh L tổng số tiền đã mượn là 100.000.000đồng.

[7] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải nộp theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về chi phí tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Đình M phải chịu theo quy định. Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh L đã thực hiện nộp tạm ứng chi phí tố tụng là 3.252.926đồng, do đó ông Nguyễn Đình M có trách nhiệm hoàn trả cho ông L 3.252.926đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 147, 227, 235, 238, 266, 273 của Bộ luật tố Tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XII qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh L đối với bị đơn ông Nguyễn Đình M về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bị đơn ông Nguyễn Đình M có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Thanh L tổng số tiền đã vay là 100.000.000đồng (một trăm triệu đồng) theo giấy mượn tiền ngày 01/9/2022

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Thanh V đối với bị đơn ông Nguyễn Đình M đối với số tiền 165.000.000đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

- Về án phí sơ thẩm:

+ Bị đơn ông Nguyễn Đình M nộp số tiền 5.000.000đồng (năm triệu đồng) án phí sơ thẩm.

+ Nguyên đơn không phải nộp án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 6.625.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai thu số 0001846 ngày 28/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một

- Về chi phí tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Đ phải nộp số tiền 3.252.926đồng chi phí tố tụng, nguyên đơn ông L đã thực hiện nộp tạm ứng xong cho Tòa án, do đó bị đơn ông M có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn ông L số tiền 3.252.926đồng.

Các đương sự thi hành án tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự (hoặc người đại diện đương sự) có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án sơ thẩm. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh
- VKSND Khu vực 15 Thành phố HCM
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh
(Phòng THADS Khu vực 15 Thành phố HCM)
- Đương sự;
- Lưu: HS, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Phong